

Bản án số: 02/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 14-01-2026

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6-QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Ngoan;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Hòa; Bà Bùi Thị Cẩm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Chín- là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6-Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6-Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Trần Phương Duy -Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6-Quảng Ngãi, mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 54/2025/TLST –HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2025 về việc “*Ly hôn*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 104/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2025, quyết định hoãn phiên tòa số 128/2025/QĐST-HNGĐ ngày 19/12/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Thôn M, xã K, tỉnh Quảng Ngãi.

(Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Nguyễn Minh V, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Thôn M, xã K, tỉnh Quảng Ngãi.

(Vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/9/2025, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nguyên đơn chị Nguyễn Thị M trình bày:

Chị và anh Nguyễn Minh V kết hôn năm 2003, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, tỉnh Quảng Ngãi. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại thôn M, xã K.

Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong sinh hoạt gia đình, vợ chồng không còn quan tâm, chia sẻ, không có sự tôn trọng lẫn nhau, mâu thuẫn kéo dài nhưng không khắc phục được. Chị M cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị đã nhiều lần cố gắng hàn gắn nhưng không có kết quả.

Nay chị Nguyễn Thị M yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Minh V.

Về con chung: Chị Minh xác Đ vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Minh L, sinh ngày 08/7/2004 và Nguyễn Minh H, sinh ngày 09/9/2006. Các con đều đã trên 18 tuổi, có khả năng tự lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Minh xác Đ không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Minh V đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập tham gia phiên tòa theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, anh Nguyễn Minh V không có văn bản trình bày ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ, không tham gia phiên họp và phiên tòa, mặc dù không thuộc trường hợp bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở để đánh giá ý kiến của anh V1.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; việc thụ lý vụ án, xác minh, thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự bảo đảm đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng; bị đơn không chấp hành việc tham gia tố tụng mặc dù đã được triệu tập hợp lệ.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của nguyên đơn, xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Minh V đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; bị đơn không có thiện chí hàn gắn.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Nguyễn Thị M được ly hôn với anh Nguyễn Minh V theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc nguyên đơn chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị M là yêu cầu giải quyết ly hôn, thuộc tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn anh Nguyễn Minh V cư trú tại thôn M, xã K, tỉnh Quảng Ngãi; do đó, Tòa án nhân dân khu vực 6 – Quảng Ngãi thụ lý, giải quyết vụ án theo thẩm quyền là đúng quy định tại các Điều 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về việc tuân theo pháp luật tố tụng và xét xử vắng mặt đương sự

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các văn bản tố tụng đã được tổng đạt hợp lệ cho các đương sự.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Nguyễn Minh V mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên họp và phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không thuộc trường hợp bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, không có văn bản trình bày ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ.

Căn cứ các Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân

Chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Minh V kết hôn năm 2003, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, tỉnh Quảng Ngãi; do đó, quan hệ hôn nhân giữa các đương sự là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Quá trình chung sống, theo lời khai thống nhất và xuyên suốt của nguyên đơn, giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn kéo dài, đời sống chung không còn hạnh phúc, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc, chia sẻ và tôn trọng lẫn nhau. Chị M đã nhiều lần cố gắng hàn gắn nhưng không đạt kết quả.

Bị đơn anh Nguyễn Minh V không tham gia tố tụng, không có ý kiến phản bác, không thể hiện thiện chí đoàn tụ, cũng không đưa ra biện pháp nào nhằm khắc phục mâu thuẫn, thể hiện rằng mâu thuẫn vợ chồng đã ở mức độ trầm trọng.

Hội đồng xét xử xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị M và anh V đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hạnh phúc, vợ chồng yêu thương, tôn trọng, giúp đỡ nhau không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, có đủ cơ sở pháp lý để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị M.

[4] Về con chung

Chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Minh V có 02 con chung là Nguyễn Minh L, sinh ngày 08/7/2004 và Nguyễn Minh H, sinh ngày 09/9/2006. Các con chung đều đã trên 18 tuổi, có khả năng lao động và tự lập, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[5] Về tài sản chung và nợ chung

Nguyên đơn xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết; bị đơn không có ý kiến. Theo quy định tại Điều 5 và Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về tài sản chung và nợ chung trong vụ án này.

[6] Về án phí

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị M phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị M.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị M được ly hôn với anh Nguyễn Minh V.

2. Về con chung: Không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000^d (*Ba trăm ngàn đồng*) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001285 ngày 06/10/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Q (chị M đã nộp đủ).

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND khu vực 6-Quảng Ngãi;
- THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Đương sự;
- UBND xã Khánh Cường, tỉnh Quảng Ngãi;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Văn Ngoan